

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 20-9-2022  
V/v tranh chấp ly hôn và chia tài  
sản khi ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lưu Thị Mỹ Hương

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Trần Thị Đẹp

Bà Trương Thị Thu Hà

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Bích Liễu – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Bà Ngô Thị Kim Duyên – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/2022/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 5 năm 2022 về việc tranh chấp ly hôn và chia tài sản khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2022/QĐXX-ST ngày 05 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1975. Địa chỉ: Số 53/29, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông CHIANG MING Y, sinh năm 1964. Quốc tịch: Trung Quốc (Đài Loan). Địa chỉ: Số 3, ngách 129, ngõ 87, phố B, khối D17, phường K, khu B, thành phố Đ, Đài Loan, Trung Quốc. Có yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 13/4/2022, đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 20/7/2022 và bản tự khai cùng ngày 20/7/2022, nguyên đơn bà Nguyễn Thị P trình bày: Sau một thời gian tìm hiểu, bà P và ông CHIANG MING Y tự nguyện tìm hiểu quen biết nhau và chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam theo Giấy chứng nhận kết hôn số 37, Quyền số 01, ngày 24/12/2007. Quá trình sống chung vợ chồng không có con chung, đến năm 2017 ông CHIANG MING Y trở về Trung Quốc sinh sống cho đến nay và không trở lại Việt Nam nữa. Do đó, bà P có đơn khởi kiện ly hôn ông CHIANG MING Y.

Về con chung: Bà P và ông CHIANG MING Y không có con chung nên bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Trong thời kỳ hôn nhân, vào năm 2019 bà P có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất diện tích 92,3m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 803, tờ bản đồ số 52 tọa lạc tại khu phố 1B, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương và bà P đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 01/11/2019. Khi ly hôn bà P yêu cầu Tòa án chia đôi tài sản này. Bà P yêu cầu nhận đất và đồng ý hoàn trả lại cho ông CHIANG MING Y  $\frac{1}{2}$  giá trị đất. Ngày 20/7/2022, bà P có đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với việc yêu cầu chia tài sản chung.

Quá trình giải quyết vụ án, tại đơn trình bày ý kiến và xin giải quyết vắng mặt ngày 22/8/2022, ông CHIANG MING Y trình bày: Ông CHIANG MING Y thống nhất với lời trình bày của bà P về quan hệ hôn nhân, về con chung và tài sản chung. Trước yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà P thì ông CHIANG MING Y đồng ý ly hôn với bà P. Về con chung thì ông CHIANG MING Y xác định không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung thì ông CHIANG MING Y xác định phần đất diện tích 92,3m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 803, tờ bản đồ số 52 tọa lạc tại khu phố 1B, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương, Việt Nam là tài sản riêng của bà P và ông CHIANG MING Y không có yêu cầu phân chia tài sản này. Ông CHIANG MING Y xin được vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, bà P và ông CHIANG MING Y đều có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Đề nghị Hội đồng xét xử vụ án tiếp tục xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Hôn nhân giữa bà P và ông CHIANG MING Y là hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án bà P và ông CHIANG MING Y đều có nguyện vọng được ly hôn, do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà P. Về tài sản chung thì bà P đã có đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung, do đó, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của nguyên đơn và ý kiến của Kiểm sát viên.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về Tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị P và ông CHIANG MING Y đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam theo Giấy chứng nhận kết hôn số 37, Quyền số 01, ngày 24/12/2007. Bà P hiện đang cư trú tại số 53/29, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Do đó, theo quy định tại các Điều: 123, 127 Luật Hôn nhân và gia đình và các Điều: 28, 37, 40 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

[1.2] Về sự có mặt của các đương sự: Tại phiên tòa sơ thẩm, bà P và ông CHIANG MING Y đều có yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án xét xử

vắng mặt các đương sự theo quy định tại các Điều: 227, 228, 238, 477 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Bà Nguyễn Thị P và ông CHIANG MING Y tự nguyện tìm hiểu quen biết nhau và chung sống với nhau, hai bên có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 37, Quyền số 01, ngày 24/12/2007 là hôn nhân hợp pháp. Năm 2017, ông CHIANG MING Y trở về Trung Quốc sinh sống cho đến nay và không trở lại Việt Nam nữa. Do đó, bà P có đơn khởi kiện ly hôn ông CHIANG MING Y. Xét, yêu cầu ly hôn của bà P thấy rằng theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình thì “1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. 2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau...” mục đích hôn nhân giữa bà P và ông CHIANG MING Y không đạt được. Quá trình giải quyết vụ án, ông CHIANG MING Y cũng đồng ý ly hôn với bà P. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà P là có căn cứ, phù hợp Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Bà P và ông CHIANG MING Y xác định không có con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Theo đơn khởi kiện thì bà P yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung của vợ chồng là diện tích 92,3m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 803, tờ bản đồ số 52 tọa lạc tại khu phố 1B, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương và bà P đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 01/11/2019. Khi ly hôn bà P yêu cầu Tòa án chia đôi tài sản này. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án bà P có đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về chia tài sản. Do đó, Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện về chia tài sản của bà P.

[5] Về nợ chung: Bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Ý kiến của Kiểm sát viên là phù hợp pháp luật.

[7] Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà P phải chịu theo quy định của pháp luật.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà P không phải chịu, do rút một phần yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung khi ly hôn.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ các Điều: 28, 37, 39, 40, 147, 217, 227, 228, 238, 266, 271, 273, 477, 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều: 19, 51, 56, 123, 127 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P đối với ông CHIANG MING Y về việc tranh chấp chia tài sản chung khi ly hôn.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P đối với ông CHIANG MING Y về việc tranh chấp ly hôn.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị P được ly hôn ông CHIANG MING Y.

- Về con chung: Không có, bà Nguyễn Thị P không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị P không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị P phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), được trừ vào 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000126, ngày 26/4/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương. Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương hoàn trả lại cho bà P số tiền 3.750.000 đồng (ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Bà Nguyễn Thị P được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Ông CHIANG MING Y được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Cục THADS tỉnh Bình Dương;
- UBND tỉnh Hà Nam;
- Các đương sự;
- Tổ Hành chính tư pháp;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa HNGĐ và Người chưa thành niên.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lưu Thị Mỹ Hương**

